

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC CÔNG AN

STT	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
1	Thông báo khai báo vũ khí thô sơ tại Công an xã	2

Phần II

NỘI DUNG TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC NIÊM YẾT

1. Thông báo khai báo vũ khí thô sơ tại Công an xã

a. Trình tự thực hiện

+ **Bước 1:** Tập thể, cá nhân sở hữu vũ khí thô sơ dùng làm hiện vật để trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo phải khai báo với Công an xã, phường, thị trấn nơi đặt trụ sở hoặc nơi cư trú vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

+ **Bước 2:** Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và thành phần của hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện, thủ tục thì tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ theo dõi hồ sơ đã tiếp nhận; ghi và giao giấy biên nhận hồ sơ cho người đến nộp hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thủ tục hoặc kê khai chưa chính xác thì hướng dẫn bằng văn bản ghi rõ thủ tục, nội dung cần bổ sung, kê khai lại. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho tập thể, cá nhân đã đề nghị.

+ **Bước 3:** Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy biên nhận hồ sơ, tập thể, cá nhân khai báo vũ khí thô sơ đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả thông báo khai báo vũ khí thô sơ.

b. Cách thức thực hiện

- * Trực tiếp tại trụ sở Công an xã, thị trấn các huyện trên địa bàn tỉnh.
- * Thời gian tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả: từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày lễ, tết).

c. Thành phần hồ sơ

+ Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị; bản kê khai vũ khí thô sơ, bản sao giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (nếu có); giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết

03 ngày làm việc.

đ. Đối tượng thực hiện

Tập thể, cá nhân.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thông báo khai báo vũ khí thô sơ.

h. Lệ phí

Không

i. Mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

Không.

l. Cơ sở pháp lý

+ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017).

+ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

+ Thông tư số 16/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

+ Thông tư số 17/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

+ Thông tư số 18/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép, Giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

2. Thông báo số định danh cá nhân tại Công an cấp xã

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Công dân hoặc người đại diện hợp pháp của công dân yêu cầu Công an cấp xã nơi công dân đăng ký thường trú cấp văn bản thông báo.

Bước 2: Công an cấp xã nơi công dân đăng ký thường trú kiểm tra thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, in Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b. Cách thức thực hiện

Trực tiếp tại Công an cấp xã nơi công dân đăng ký thường trú.

c. Thành phần hồ sơ

a. Thành phần hồ sơ: Xuất trình giấy tờ hợp lệ chứng minh thông tin công dân hoặc người đại diện hợp pháp.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d. Thời hạn giải quyết

Chưa quy định.

đ. Đối tượng thực hiện

Công dân đăng ký thường trú trên địa bàn quản lý.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an).

h. Lệ phí

Chưa quy định.

i. Mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện

Không

l. Cơ sở pháp lý

- Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014.

- Nghị định 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

- Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021.